

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/DS-ST

Ngày: 06-4-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 310/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Triệu Thị Xà Th, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp Tràm K, xã C, huyện T, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Văn U, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 201, đường Tr, phường 10, Quận 5, Thành phố H (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/11/2022), có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trương Quốc B, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 406/2, ấp Ph2, xã Ph, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Văn U là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10/10/2022, bà Triệu Thị Xà Th và ông Nguyễn Trương Quốc B ký hợp đồng vay tiền tại văn phòng công chứng Th tỉnh Đ, theo đó bà Th cho ông B vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để sinh hoạt cá nhân, thỏa

thuận lãi suất vay là 1,6%/tháng, thời hạn vay một tháng. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ vốn vay mà ông B không thanh toán cho bà Th theo thỏa thuận. Do đó, bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B phải trả số tiền vốn vay còn nợ là 250.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 10/10/2022 đến ngày 12/11/2022 với mức lãi suất là 1,6%/tháng, thành tiền là 4.266.000 đồng, tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi phải trả là 254.266.000 đồng.

Ông Nguyễn Trương Quốc B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Triệu Thị Xà Th có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Trương Quốc B, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Trương Quốc B cư trú tại huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông Nguyễn Trương Quốc B đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà Triệu Thị Xà Th yêu cầu ông Nguyễn Trương Quốc B phải thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 250.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 10/10/2022 đến ngày 12/11/2022 với mức lãi suất là 1,6%/tháng, thành tiền là 4.266.000 đồng, tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi là 254.266.000 đồng.

Xét thấy, nguyên đơn cung cấp được bản sao hợp đồng vay tiền do Văn phòng công chứng Th, tỉnh Đ lập ngày 10/10/2022.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án nhiều lần triệu tập ông B tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án nhưng ông B đều vắng mặt không đến Tòa án giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện việc ông B đã từ bỏ quyền chứng minh cho mình. Như vậy, căn cứ vào hợp đồng vay tiền bà Th cung cấp có đủ cơ sở xác định: Bà Th có cho ông B vay số tiền 250.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ đến ngày 09/11/2022, có thỏa thuận lãi suất 1,6%/tháng nên xác định đây là hợp đồng vay có lãi và có kỳ hạn.

[3]. Nguyên đơn yêu cầu ông B phải thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 250.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Th, do khi vay hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 1,6%/tháng nên yêu cầu tính lãi suất của bà Th từ ngày 10/10/2022 đến ngày 12/11/2022 với mức lãi suất là 1,6%/tháng, thành tiền là 4.266.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của bà Th buộc ông B phải thanh toán cho bà Th số tiền 254.266.000 đồng, trong đó tiền vốn vay là 250.000.000 đồng và 4.266.000 đồng tiền lãi. Ông B còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán nợ gốc theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị Xà Th được chấp nhận nên ông Nguyễn Trương Quốc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định ($254.266.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.713.300 \text{ đồng}$). Bà Triệu Thị Xà Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Triệu Thị Xà Th đối với ông Nguyễn Trương Quốc B.

Buộc ông Nguyễn Trương Quốc B có nghĩa vụ thanh toán cho bà Triệu Thị Xà Th số tiền 254.266.000 (hai trăm năm mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng, trong đó tiền vốn vay là 250.000.000 đồng và 4.266.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trương Quốc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 12.713.300 (mười hai triệu bảy trăm mười ba nghìn ba trăm) đồng.

Bà Triệu Thị Xà Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006579 ngày 13 tháng 01 năm 2022 và 4.800.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006469 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duyệt